HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 07 /2008/NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 05 tháng 5 năm 2008*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Quy hoạch Bưu chính, Viễn thông, ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin - Truyền thông tỉnh Thái Nguyên đến năm 2015 và định hướng phát triển đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 236/2005/QĐ-TTg ngày 26/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Bưu chính Việt Nam đến 2020;

Căn cứ Quyết định số 58/2007/QĐ-TTg ngày 04/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạnh tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 04/4/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên đề nghị thông qua Quy hoạch Bưu chính, Viễn thông, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin - Truyền thông tỉnh Thái Nguyên đến năm 2015 và định hướng phát triển đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh, ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch Bưu chính, Viễn thông, ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin - Truyền thông tỉnh Thái Nguyên đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 với những nội dung cơ bản sau:

1. Quan điểm

a) Phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin - truyền thông phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh Thái Nguyên, góp phần phát triển toàn diện để tỉnh trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, giáo dục, y tế của vùng trung du, miền núi Bắc bộ, là địa bàn, cầu nối để trao đổi, hợp tác kinh tế có hiệu quả với các tỉnh trong vùng, cả nước và quốc tế. Đẩy mạnh phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin - truyền thông tại thành phố Thái Nguyên làm hạt nhân lan toả và phát triển của toàn tỉnh.

b) Bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin - truyền thông là ngành kinh tế, kỹ thuật, dịch vụ quan trọng thuộc kết cấu hạ tầng của nền kinh tế, là công cụ quan trọng để hình thành xã hội thông tin. Phát triển Bưu chính, Viễn thông, Internet đi đôi với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin quốc gia. Ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ thông tin làm tiền đề hỗ trợ các ngành công nghiệp khác phát triển. Đi thẳng vào công nghệ hiện đại, phát huy lợi thế về tiềm năng lao động, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để khai thác nguồn vốn và công nghệ mới. Đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

c) Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và an ninh, quốc phòng, đặc biệt tập trung ưu tiên phát triển chính quyền điện tử, thương mại điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương thức quản lý, quy trình điều hành, trợ giúp đắc lực cho hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, tiến tới xây dựng tỉnh điện tử, công dân điện tử. Đồng thời đảm bảo an ninh trong hoạt động dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trong đó có an ninh cho khách hàng.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu phát triển

a) Phát triển Bưu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin - truyền thông trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường dịch vụ bưu chính, viễn thông và Internet. Tạo lập thị trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong sản xuất, kinh doanh và phát triển sản phẩm.

b) Phát triển Bưu chính, Viễn thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, phục vụ hiệu quả cho công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn. Phổ cập dịch vụ viễn thông và Internet tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và các xã đặc biệt khó khăn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị. Người dân được truy cập thông tin và tri thức kịp thời thông qua phát thanh, truyền hình, Internet và các trang thông tin điện tử.

c) Đối với Bưu chính, phát triển theo hướng cơ giới hoá, tự động hoá, tin học hoá, nhằm đạt trình độ hiện đại, đảm bảo duy trì cung cấp dịch vụ công ích đến tất cả các điểm phục vụ trên toàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của mọi người dân, phục vụ thông tin của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp. Giảm chỉ tiêu số dân phục vụ bình quân/điểm.

d) Đối với Viễn thông và Internet đến 2010, xây dựng kết cấu hạ tầng mạng viễn thông của tỉnh hiện đại, ứng dụng các công nghệ tiên tiến theo định hướng phát triển lên mạng thế hệ sau (NGN), chất lượng cao, cung cấp đa dịch vụ, dung lượng và tốc độ lớn, độ tin cậy cao. Phục vụ tốt và kịp thời cho phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Đối với Công nghệ thông tin - truyền thông ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, đảm bảo xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành thông suốt và kịp thời trong hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước, là công cụ hỗ trợ cho cải cách hành chính. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới, phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, văn hoá, báo chí và thông tin tuyên truyền. Xây dựng và sử dụng hiệu quả kết cấu hạ tầng thông tin, mạng dùng riêng đô thị (MAN) đa dịch vụ, cổng thông tin điện tử (portal) phục vụ

việc trao đổi, cung cấp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng và hải quan đạt trình độ tương đương với các thành phố lớn trong nước; các hệ thống thông tin của các ngành được cập nhật đầy đủ và cung cấp thường xuyên. Đến 2020, xây dựng chính quyền điện tử đạt mức trung bình khá trong cả nước với công dân điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch điện tử.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp. Phát triển giao dịch điện tử, thương mại điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin tại các khu công nghiệp, đặc biệt xây dựng và thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao. Công nghiệp công nghệ thông tin trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững, tăng trưởng cao, ổn định, định hướng phục vụ nội địa và xuất khẩu.

e) Các chỉ tiêu phát triển

- Đến 2010, các chỉ tiêu về bưu chính, viễn thông, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đạt trung bình khá và mức khá vào năm 2015 so với cả nước.

- Về Bưu chính:

Đến năm 2015, trung bình phục vụ cho 2.082 người/điểm, bán kính phục vụ đạt 1,38km/điểm. Duy trì tốc độ tăng doanh thu bưu chính hàng năm từ 18 - 22%.

- Về Viễn thông:

Đến năm 2010 mật độ điện thoại toàn tỉnh ở mức 46,37 máy/100 dân *(trong đó: điện thoại cố định đạt mật độ 15,31 máy/100 dân và mật độ điện thoại di động đạt 31,06 máy/100 dân)*, khoảng 29.207 thuê bao Internet, đạt mật độ 2,5 thuê bao/100 dân *(chưa quy đổi, trong đó 99% là thuê bao Internet băng rộng)*, tỷ lệ số dân sử dụng Internet băng rộng đạt từ 25% đến 30%; năm 2015 mật độ điện thoại 75,29 máy/100 dân *(trong đó mật độ điện thoại cố định đạt 28,71 máy/100 dân và mật độ điện thoại di động đạt 46,58 máy/100 dân)*, tỷ lệ số dân sử dụng Internet băng rộng đạt từ 45% tới 50% và vào năm 2020 mật độ điện thoại đạt 105 máy/100 dân (*trong đó mật độ điện thoại cố định đạt 40 máy/100 dân và mật độ điện thoại di động đạt 65 máy/100 dân)*, 100% số thuê bao Internet là băng rộng.

Đến năm 2010, mở rộng vùng phủ sóng thông tin di động đến các xã trong tỉnh và các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, hầu hết các xã, thôn, xóm trên địa bàn tỉnh có sóng di động, toàn bộ 100% số xã có cáp quang và kết nối thành nhiều vòng Ring vật lý đến tất cả các huyện đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Đến năm 2020, thông tin di động phủ sóng 100% đến các vùng dân cư, dịch vụ viễn thông phổ cập tất cả các hộ gia đình, truyền hình cáp cung cấp trên phạm vi toàn tỉnh.

- Về Công nghệ thông tin:

Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử và khai thác thông tin trên mạng phục vụ công việc đạt trên 60% vào năm 2010 và đạt 100% vào năm 2015;

Tỷ lệ văn bản điện tử được trao đổi, giao dịch giữa các cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng đạt trên 60% năm 2010 và đạt trên 90% vào năm 2020.

Đến năm 2020, 100% các hoạt động trong các cơ quan Đảng và Nhà nước được tin học hoá; Cổng thông tin điện tử (portal) phục vụ việc trao đổi, cung cấp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan và tổ chức, cá nhân với 100% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và trên 30% dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức độ 4 *(theo 4 mức độ phát triển của dịch vụ công trực tuyến trên mạng Internet).*

Đến năm 2010, 80% các trường phổ thông trung học có mạng nội bộ (LAN), kết nối Internet, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác dậy và học; quản lý giáo dục và đạt 100% vào năm 2015. Đến năm 2010, 50% Giáo viên được tiếp cận với phương pháp giảng dạy mới với ứng dụng công nghệ thông tin.

Năm 2020, 100% các bệnh viện, trung tâm Y tế sử dụng phần mềm, hệ thống thông tin quản lý bệnh viện điện tử, có trang thông tin điện tử phục vụ người dân và xã hội.

Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng Công nghệ thông tin - truyền thông vào các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh đạt 40% - 50% năm 2010 và 70% - 80% vào năm 2020. Tỷ lệ doanh nghiệp có trang thông tin điện tử trên mạng Internet đạt 20% - 30% năm 2010 và đạt trên 70% - 90% vào năm 2020.

Đảm bảo 60% Đảng uỷ xã, phường kết nối tới Huyện, Thị, Thành uỷ đến năm 2010 và 100% vào năm 2020; 50% UBND xã, phường kết nối tới các huyện, thị, thành, UBND tỉnh đến năm 2010 và đạt 100% vào năm 2020;

100% các cơ quan Đảng và Nhà nước có hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành.

Đến năm 2020, hoàn thiện mạng dùng riêng đô thị (MAN) đa dịch vụ của tỉnh với 100% sở, ban, ngành, các huyện, thị, thành được kết nối bằng cáp quang, các xã phường kết nối bằng cáp quang, cáp đồng công nghệ xDSL và công nghệ không dây. 100% các cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp xã trở lên có mạng LAN được kết nối mạng dùng riêng đô thị (MAN) và kết nối Internet.

Đến năm 2020, Thái Nguyên trở thành một trung tâm công nghiệp công nghệ thông tin ở khu vực miền núi Bắc bộ, Công nghiệp công nghệ thông tin có tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 30% - 35%/năm. Năm 2015, tổng giá trị sản xuất công nghiệp công nghệ thông tin đạt 15 - 20 triệu USD chiếm từ 1 - 2% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

Đến năm 2010, 70% cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên đại học và cao đẳng, học sinh trung học chuyên nghiệp, trung học nghề và trung học phổ thông được đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, khai thác Internet và đạt trên 98% vào năm 2020.

3. Dự kiến kinh phí thực hiện Quy hoạch

Tổng kinh phí đến 2015: 1.560,386 tỷ đồng.

Trong đó:

- Phát triển Bưu chính viễn thông: 1.204,223 tỷ đồng.

- Ứng dụng phát triển công nghệ thông tin - truyền thông: 356,163 tỷ đồng.

4. Giải pháp chủ yếu

a) Về cơ chế chính sách

- Tạo điều kiện về môi trường, cải cách thủ tục hành chính, đất đai, giải phóng mặt bằng để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp công nghệ thông tin; Xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin - truyền thông.

- Ban hành các quy định liên ngành trong việc phối hợp quy hoạch và triển khai xây dựng mạng lưới hạ tầng đồng bộ.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách để nâng cao nhận thức, năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước về Bưu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin - Truyền thông.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, thúc đẩy mọi thành phần kinh tế ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Về huy động vốn

- Ưu tiên cân đối chi ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin trong tỉnh; xây dựng các dự án trọng điểm về ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông của cơ quan nhà nước; Hỗ trợ xây dựng thư viện kỹ thuật nông lâm nghiệp, y tế, giáo dục tại điểm Bưu điện văn hoá xã.

- Sử dụng hiệu quả nguồn quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, các nguồn hỗ trợ phát triển dịch vụ bưu chính viễn thông công ích từ Trung ương.

- Thu hút các nguồn vốn từ Trung ương thông qua ứng dụng công nghệ thông tin theo các chương trình, dự án quốc gia.

- Huy động các nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các nguồn vốn của các thành phần kinh tế, trong nhân dân.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Tuyên truyền để nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, trong giao dịch và trao đổi thông tin hàng ngày.

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển công nhiệp công nghệ thông tin.

- Xã hội hoá để đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, các trường học, đơn vị sự nghiệp.

- Tăng cường nhân lực có trình độ năng lực để phát triển bưu chính, viễn thông; công nghệ thông tin - truyền thông.

d) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về Bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin - truyền thông

- Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông, internet, công nghệ thông tin trong đó có sở Thông tin và Truyền thông và bộ máy quản lý ở UBND các huyện, thành phố, thị xã.

- Bố trí cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, thị xã.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng dịch vụ, hoạt động bưu chính, viễn thông, Internet trên địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý Nhà nước của tỉnh về Bưu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin - Truyền thông thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo phát triển thị trường Bưu chính, Viễn thông. công nghệ thông tin lành mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho khách hàng, cho người dân.

đ) Ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến, đổi mới thiết bị để nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông; công nghệ thông tin - truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghiệp công nghệ thông tin với hàm lượng và trình độ công nghệ cao, sản phẩm tiên tiến, hiện đại để công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tăng trưởng cao của tỉnh.

- Có cơ chế phối hợp giữa các trường đại học, các cơ sở nghiên cứu với các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý Nhà nước để nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong sản xuất sản phẩm mới, trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, tiêu thụ sản phẩm.

Điều 2. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch này.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách, các Ban của HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XI, kỳ họp chuyên đề lần thứ 2 thông qua ngày 03 tháng 5 năm 2008./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- TT Tỉnh uỷ (Báo cáo);
- Các đại biểu HĐND tỉnh TN khoá XI;
- UBND tỉnh; UB MTTQ tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH khoá XII tỉnh Thái Nguyên;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện KSND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh;
- Các đ/c LĐVP, các CV VP;
- Công báo tỉnh và Báo Thái Nguyên (để đăng);
- Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VP, VT-TH HĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Vượng

PHỤ LỤC

Danh mục các dự án trọng điểm đến năm 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2008 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Quy hoạch bưu chính, viễn thông, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin - truyền thông tỉnh Thái Nguyên đến năm 2015 và định hướng phát triển đến năm 2020)

TT	Tên dự án	Đơn vị chủ trì, thực hiện
Các dự án trọng điểm phát triển viễn thông và Internet		
1	Nhóm các dự án "Phát triển mạng NGN".	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông.
2	Nhóm các dự án "Mở rộng mạng nội hạt".	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông.
3	Nhóm các dự án "Nâng cấp mở rộng và xây dựng mới mạng truyền dẫn quang".	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông.
4	Nhóm các dự án "Phổ cập điện thoại nông thôn".	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông, Sở Thông tin và Truyền thông.
5	Nhóm các dự án "Phổ cập Internet nông thôn".	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông, Sở Thông tin và Truyền thông.
6	Nhóm các dự án "Phát triển mạng điện thoại di động".	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông.
Các dự án trọng điểm ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin		
7	Dự án xây mạng dùng riêng đô thị MAN đa dịch vụ sử dụng mạch vòng ring trên cơ sở mạng dùng riêng TSL Quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông.
8	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo mạng LAN các sở, ban, ngành, huyện, thị.	- VP HĐND và VP UBND cấp tỉnh, cấp huyện. - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.
9	Đề án xây dựng Kho dữ liệu quản lý con người, đất đai, doanh nghiệp.	- Công An tỉnh. - Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Sở Tài nguyên và Môi trường. - Sở Thông tin và Truyền thông.
10	Các dự án xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các đơn vị.	- VP HĐND và VP UBND cấp tỉnh, cấp huyện. - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.
11	Các dự án tin học hoá các hoạt động tại cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện.	- VP UBND/HĐND cấp tỉnh, cấp huyện. - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.
12	Dự án tin học hoá các hoạt động tại VP. UBND tỉnh và VP. UBND Thành phố Thái Nguyên.	- VP UBND tỉnh. - VP UBND thành phố.
13	Cổng thông tin điện tử (portal) Thái Nguyên.	- VP UBND tỉnh. - Sở Thông tin và Truyền thông

TT	Tên dự án	Đơn vị chủ trì, thực hiện
14	Các tiểu dự án xây dựng các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.	- Các sở, ban, ngành, UBND tỉnh, các huyện, thị, thành trong tỉnh.
15	Các dự án xây dựng, nâng cấp website các đơn vị tích hợp lên cổng thông tin portal và số hoá thông tin hàng năm cho từng Website.	- Các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
16	Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ xây dựng chính quyền điện tử.	- Sở Thông tin và Truyền thông.
17	Xây dựng sàn giao dịch điện tử.	- Sở Thông tin và Truyền thông. - Sở Công Thương.
18	Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng website và tiếp cận thương mại điện tử.	- Sở Công Thương.
19	Chương trình ứng dụng CNTT trong các bệnh viện, Trung tâm y tế tỉnh Thái Nguyên.	- Sở Y tế, các Bệnh viện, các Trung tâm Y tế trên địa bàn tỉnh.
20	Chương trình ứng dụng CNTT phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học tại các trường PTTH, PTCS, Tiểu học, ĐH&CĐ.	Sở Giáo dục, các trường PTTH, PTCS và Đại học trên địa bàn tỉnh.
21	Chương trình phát triển công nghiệp Công nghệ thông tin và đề án xây dựng khu công nghệ cao.	- UBND tỉnh; - Sở Thông tin và Truyền thông; - Sở Công Thương.
22	Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực cho Trung tâm Công nghệ thông tin-Truyền thông Thái Nguyên.	- Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông.
23	Dự án tin học hoá hoạt động của cơ quan Đảng, cơ quan Hội đồng nhân dân.	- Tỉnh Uỷ. - Hội đồng nhân dân tỉnh.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN